Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 6804.21.00

Mã HS	6804.21.00
Mô tả hàng hóa	Đá nghiền, đá mài, đá mài dạng hình tròn và tương tự, không có cốt, dùng để nghiền, mài, đánh bóng, giũa hoặc cắt, đá mài hoặc đá đánh bóng bằng tay, và các phần của chúng, bằng đá tự nhiên, bằng các vật liệu mài tự nhiên hoặc nhân tạo đã được kết khối, hoặc bằng gốm, có hoặc không kèm theo các bộ phận bằng các vật liệu khác / - Đá nghiền, đá mài khác, đá mài dạng hình tròn và dạng tương tự: / - - Bằng kim cương tự nhiên hoặc kim cương nhân tạo đã được kết khối
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	11/11/2026 12:14:10
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/68042100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10173
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10173
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10173
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9667
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9618
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9618
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9618
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9618
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9618
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9618
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9670
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9670
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9670
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9670

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9670
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9670
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9671
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9671
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9671
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9671
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9671
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9671
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9672
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9624
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9630
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9630
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9630
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9630
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9630
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9630
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9655
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9655
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9655
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9655
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9655
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9655
VCFTA	2022	2022	0	VC!D9702
VCFTA	2023	2023	0	VC!E9702
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9702
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9702

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9702
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9702
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D9681
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E9681
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F9681
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G9681
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H9681
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I9681
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D9693
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E9693
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F9693
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G9693
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H9693
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9693
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D9704
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E9704
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F9704
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9704
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9704
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9704
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D9703
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E9703
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F9703
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9703
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9703
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9703

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9650
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9650
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9650
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9650
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9650
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9650
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9650
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9687
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9687
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9687
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9687
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9687
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9687
RCEP B	2022	2022	0	B!D9687
RCEP B	2023	2023	0	B!E9687
RCEP B	2024	2024	0	B!F9687
RCEP B	2025	2025	0	B!G9687
RCEP B	2026	2026	0	B!H9687
RCEP B	2027	2027	0	B!I9687
RCEP C	2022	2022	0	C!D9687
RCEP C	2023	2023	0	C!E9687
RCEP C	2024	2024	0	C!F9687
RCEP C	2025	2025	0	C!G9687
RCEP C	2026	2026	0	C!H9687
RCEP C	2027	2027	0	C!I9687
RCEP D	2022	2022	0	D!D9686

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E9686
RCEP D	2024	2024	0	D!F9686
RCEP D	2025	2025	0	D!G9686
RCEP D	2026	2026	0	D!H9686
RCEP D	2027	2027	0	D!I9686
RCEP E	2022	2022	0	E!D9690
RCEP E	2023	2023	0	E!E9690
RCEP E	2024	2024	0	E!F9690
RCEP E	2025	2025	0	E!G9690
RCEP E	2026	2026	0	E!H9690
RCEP E	2027	2027	0	E!I9690
RCEP F	2022	2022	0	F!D9687
RCEP F	2023	2023	0	F!E9687
RCEP F	2024	2024	0	F!F9687
RCEP F	2025	2025	0	F!G9687
RCEP F	2026	2026	0	F!H9687
RCEP F	2027	2027	0	F!I9687
VIFTA	2024	2024	0	VI!F8963
VIFTA	2025	2025	0	VI!G8963
VIFTA	2026	2026	0	VI!H8963
VIFTA	2027	2027	0	VI!I8963

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6804.21.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 6804.21.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10173), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.